

Số: 2725 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại tổ chức và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Kết luận số 519- KL/TU ngày 18/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại tổ chức và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1601/SNV-TCBC ngày 02/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại tổ chức và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang sở, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Đỗ Minh Tuấn

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

ĐỀ ÁN

Sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại tổ chức và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Chủ trương của Đảng

1.1. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại tổ chức đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

1.2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.3. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

1.4. Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 07/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại tổ chức đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

1.5. Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 30/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

1.6. Kế hoạch số 102-KH/TU ngày 23/7/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

1.7. Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 25/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.

2. Quy định của Nhà nước

2.1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

2.2. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.3. Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

2.4. Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.5. Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2.6. Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.

2.7. Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị.

2.8. Các Thông tư liên tịch của các Bộ chuyên ngành và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

2.9. Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 30/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.10. Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

2.11. Các quyết định của UBND tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

2.12. Quyết định số 5645/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, năm 2021 của các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

II. SỰ CẦN THIẾT

Trong những năm qua, tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*sau đây gọi chung là sở*) cơ bản ổn định, phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chức năng, nhiệm vụ được quy định tương đối cụ thể, rõ ràng, chất lượng tham mưu quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, một số phòng, ban, chi cục thuộc sở (*sau đây gọi chung là chi cục*), một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (*sau đây gọi chung là phòng thuộc UBND cấp huyện*) có quy mô nhỏ, bố trí số lượng cán bộ, công chức ít, dẫn đến việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chưa thực sự hiệu quả; một số phòng, ban, chi cục thuộc sở; phòng thuộc chi cục thuộc sở không đảm bảo tiêu chí về số lượng biên chế công chức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Xuất phát từ yêu cầu triển khai thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, linh hoạt, năng động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, việc xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện là thật sự cần thiết.

Phần thứ hai

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó.

2. Quá trình sắp xếp, tổ chức lại phải bảo đảm không làm gián đoạn, xáo trộn việc thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Đề án quy định việc sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

2. Tổ chức bên trong thuộc sở, gồm: văn phòng, thanh tra, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tương đương.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, gồm: văn phòng HĐND và UBND, thanh tra và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

III. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

1. Đối với các sở

1.1. Sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong thuộc sở, bảo đảm quy định về tiêu chí thành lập phòng, chi cục và tương đương; khung số lượng cấp phó tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Về chức năng, nhiệm vụ:

- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở phải có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở.

- Chi cục và tương đương thuộc sở phải có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở phải có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của chi cục hoặc tham mưu về công tác quản trị nội bộ của chi cục.

b) Về số lượng công chức:

- Văn phòng và phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở phải bố trí tối thiểu 06 biên chế công chức.

- Chi cục và tương đương thuộc sở phải bố trí tối thiểu 12 biên chế công chức.

- Phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở phải bố trí tối thiểu 05 biên chế công chức.

c) Về số lượng cấp phó:

- Phòng thuộc sở có dưới 09 biên chế công chức bố trí 01 Phó Trưởng phòng; có từ 09 đến 14 biên chế công chức bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng; có từ 15 biên chế công chức trở lên bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng.

- Thanh tra sở có dưới 08 biên chế công chức bố trí 01 Phó Chánh Thanh tra; có từ 08 biên chế công chức trở lên bố trí không quá 02 Phó Chánh Thanh tra.

- Chi cục có từ 01 đến 03 phòng và tương đương được bố trí 01 Phó Chi cục trưởng; Chi cục không có phòng hoặc có từ 04 phòng và tương đương trở lên được bố trí không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

- Phòng thuộc chi cục thuộc sở có dưới 07 biên chế công chức được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; có từ 07 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng.

1.2. Khuyến khích các sở thực hiện sắp xếp, sáp nhập các phòng, chi cục và các tổ chức hành chính đã bảo đảm các tiêu chí, nhằm tinh gọn, giảm số phòng, số lượng phó trưởng phòng.

1.3. Xác định số lượng biên chế công chức tối thiểu đảm bảo tiêu chí thành lập phòng theo số lượng biên chế công chức được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 5645/QĐ-UBND ngày 31/12/2020.

1.4. Giữ ổn định một số phòng, chi cục thuộc sở chưa đảm bảo tiêu chí về số lượng biên chế công chức tối thiểu theo yêu cầu quản lý nhà nước nhưng do mới được kiện toàn hoặc được giao thêm nhiệm vụ mới; đến năm 2023, hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan này theo đúng quy định.

2. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện

2.1. UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn và chỉ tiêu biên chế công chức hành chính được UBND tỉnh giao năm 2021 để thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, đảm bảo số lượng các phòng chuyên môn theo đúng quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định thành lập hoặc không thành lập và kiện toàn tổ chức các phòng theo quy định.

2.2. Sau khi kiện toàn tổ chức các phòng, UBND cấp huyện bố trí số lượng phó trưởng phòng bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

3. Kể từ ngày 20/6/2021, các sở, cơ quan ngang sở thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy bên trong và UBND các huyện, thị xã, thành phố tạm thời dừng việc bổ nhiệm các chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương để ưu tiên cho việc bố trí các trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương hiện có khi sắp xếp lại. Trường hợp đặc biệt cần bổ nhiệm mới trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ngang sở, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố phải báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

Phần thứ ba **NỘI DUNG SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI**

I. THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC THUỘC SỞ, CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND CẤP HUYỆN

1. Thực trạng

Hiện nay, có 19 sở thuộc UBND tỉnh, với 143 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương, 15 ban, chi cục thuộc sở và 03 tổ chức hành chính đặc thù; có 27 UBND huyện, thị xã, thành phố, với 335 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương (trong đó 16 UBND huyện, thị xã, thành phố miền xuôi và đồng bằng có 12 phòng; 11 UBND huyện miền núi có 13 phòng - thêm Phòng Dân tộc).

2. Những kết quả đạt được

2.1. Tổ chức và hoạt động của các sở và phòng thuộc UBND cấp huyện cơ bản ổn định, phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc sở, phòng thuộc UBND cấp huyện quy định khá cụ thể, rõ ràng; hạn chế chồng chéo, trùng lặp; không bỏ sót nhiệm vụ.

2.2. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước, thời gian qua, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định kiện toàn, sáp nhập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc các sở cho phù hợp với quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành; từng bước tinh gọn, giảm đầu mối, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Theo đó, trong giai đoạn 2015 - 2020 đã giảm 09 phòng và 03 chi cục, gồm: Sở Nội vụ (giảm 02 phòng); Sở Giáo dục và Đào tạo (giảm 01 phòng); Sở Tư pháp (giảm 01 phòng); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (giảm 01 phòng và 01 Chi cục); Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (giảm 03 phòng và 02 Chi cục); Thanh tra tỉnh (giảm 01 phòng).

3. Tồn tại, hạn chế

3.1. Chức năng, nhiệm vụ của các sở và phòng thuộc UBND cấp huyện chưa được kiện toàn kịp thời theo các quy định mới của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành.

3.2. Một số phòng, ban, chi cục thuộc sở; phòng thuộc chi cục thuộc sở có quy mô nhỏ, bố trí số lượng cán bộ, công chức ít, dẫn đến việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chưa thực sự hiệu quả; một số phòng, ban, chi cục thuộc sở; phòng thuộc chi cục thuộc sở không đảm bảo tiêu chí về số lượng biên chế công chức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ; một số sở bố trí số lượng cấp phó phòng nhiều hơn so với quy định hiện hành của Chính phủ.

Toàn tỉnh, có 48 phòng và tương đương thuộc sở, 28 phòng thuộc chi cục thuộc sở không bảo đảm tiêu chí số lượng công chức tối thiểu; 56 cấp phó phòng thuộc sở; 16 phó phòng thuộc chi cục thuộc sở cao hơn so với quy định Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3.3. Phòng Y tế và Phòng Dân tộc thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí số lượng công chức ít; cá biệt, Phòng Y tế thuộc một số huyện không có công chức làm việc, ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ:

- Đối với Phòng Dân tộc thuộc UBND 11 huyện miền núi: có 25 công chức/11 phòng - bình quân: 2,27 người/phòng.

- Đối với Phòng Y tế thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố: có 27 công chức/27 phòng - bình quân: 1 người/phòng.

II. SẮP XẾP CÁC TỔ CHỨC THUỘC SỞ VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

1. Giữ nguyên trạng các tổ chức thuộc 06 sở, gồm:

1.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Biên chế công chức hành chính được giao: 75.

- Lãnh đạo sở: 04 người (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra và 07 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Kế hoạch - Tài chính; (2) Người có công; (3) Lao động - Việc làm; (4) Giáo dục nghề nghiệp; (5) Bảo trợ xã hội; (6) Trẻ em và Bình đẳng giới; (7) Phòng chống tệ nạn xã hội.

1.2. Sở Xây dựng:

- Biên chế công chức hành chính được giao: 68.

- Lãnh đạo sở: 04 người (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra và 08 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Quản lý Quy hoạch - Kiến trúc; (2) Hoạt động xây dựng; (3) Kinh tế xây dựng; (4) Quản lý chất lượng công trình xây dựng; (5) Quản lý Vật liệu xây dựng; (6) Quản lý hạ tầng kỹ thuật; (7) Quản lý nhà và thị trường bất động sản; (8) Phát triển đô thị.

1.3. Sở Tài chính:

- Biên chế công chức hành chính được giao: 93.

- Lãnh đạo sở: Từ 04 đến 05 người (Giám đốc và 03 đến 04 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra và 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Tài chính đầu tư; (2) Quản lý ngân sách huyện, xã; (3) Quản lý ngân sách và Thống kê Tài chính; (4) Quản lý công sản giá cả; (5) Tài chính doanh nghiệp và Chính sách phát triển kinh tế; (6) Tài chính hành chính sự nghiệp.

1.4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Biên chế công chức hành chính được giao: 77.

- Lãnh đạo sở: Từ 04 đến 05 người (Giám đốc và 03 đến 04 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra và 08 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Kế hoạch - Tài chính; (2) Tổ chức - Pháp chế (đổi tên Phòng Tổ chức cán bộ); (3) Quản lý văn hóa (đổi tên Phòng Nghiệp vụ Văn hóa); (4) Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình; (5) Quản lý thể dục thể thao; (6) Quản lý du lịch; (7) Quản lý di sản văn hóa; (8) Quy hoạch, phát triển tài nguyên du lịch.

1.5. Ban Dân tộc:

- Biên chế công chức hành chính được giao: 28.

- Lãnh đạo ban: 03 người (Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban).

- Có Văn phòng; Thanh tra và 02 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Kế hoạch - Tổng hợp; (2) Chính sách và Tuyên truyền.

1.6. Văn phòng UBND tỉnh:

- Biên chế công chức hành chính được giao: 124.

- Lãnh đạo văn phòng: 05 người (Chánh Văn phòng và 04 Phó Chánh Văn phòng).

- Có 10 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Tổng hợp - Kế hoạch; (2) Kinh tế - Tài chính; (3) Nông nghiệp, Khoa học Công nghệ và Tài nguyên Môi trường; (4) Công nghiệp - Xây dựng - Giao thông; (5) Kiểm soát Thủ tục hành chính - Nội chính; (6) Văn hóa - Xã hội; (7) Quản lý Công Nghệ thông tin điện tử và Công nghệ thông tin; (8) Hành chính - Tổ chức; (9) Quản trị - Tài vụ; (10) Ban Tiếp công dân tỉnh.

- Có 02 tổ chức hành chính đặc thù:

+ Văn phòng Điều phối vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh có 02 phòng, gồm: (1) Tổng hợp - Kế hoạch và Hành chính; (2) Nghiệp vụ và Truyền thông.

+ Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh có 03 tổ, gồm: (1) Hành chính - Quản trị; (2) Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả; (3) Giám sát - Tổng hợp.

2. Giữ nguyên tổ chức bộ máy bên trong của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do mới được kiện toàn:

- Biên chế công chức hành chính được giao: 560.

- Lãnh đạo sở: từ 05 đến 06 người (Giám đốc và 04 đến 05 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra và 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Kế hoạch - Tài chính; (2) Tổ chức cán bộ; (3) Quản lý xây dựng công trình.

- Có 07 Chi cục:

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có 04 phòng, gồm: (1) Hành chính, tổng hợp; (2) Trồng trọt; (3) Bảo vệ thực vật; (4) Thanh tra, pháp chế và 01 Trạm kiểm dịch thực vật nội địa.

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y có 05 phòng: (1) Hành chính, tổng hợp; (2) Thanh tra, pháp chế; (3) Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi; (4) Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi; (5) Quản lý dịch bệnh; 03 Trạm Kiểm dịch động vật Đốc Xây, Thạch Lâm và Trạm Kiểm dịch động vật và thủy sản Tĩnh Gia.

+ Chi cục Kiểm lâm có 06 phòng: (1) Hành chính, tổng hợp; (2) Thanh tra, pháp chế; (3) Quản lý, bảo vệ rừng; (4) Bảo tồn thiên nhiên; (5) Sử dụng và phát triển rừng; (6) Tổ chức, tuyên truyền và xây dựng lực lượng; 11 Hạt kiểm lâm huyện; 06 Hạt kiểm lâm liên huyện; 02 Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng.

+ Chi cục Thủy sản có 05 phòng: (1) Hành chính, tổng hợp; (2) Thanh tra, pháp chế; (3) Nuôi trồng thủy sản; (4) Quản lý khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản; (5) Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá; 03 Trạm Thủy sản (Lạch Bạng, Lạch Hới, Hòa Lộc).

+ Chi cục Thủy lợi có 05 phòng: (1) Hành chính, tổng hợp; (2) Thanh tra, pháp chế; (3) Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn; (4) Quản lý đê điều; (5) Phòng, chống thiên tai; 09 Hạt Quản lý đê (Hà Trung, Vĩnh Lộc, Yên Định, Thọ Xuân, Đông Nam, Hậu Lộc, Thành phố Thanh Hóa, Hoàng Hóa, Thiệu Hóa); 01 Trạm đo nước dâng (do bão) Sầm Sơn.

+ Chi cục Phát triển nông thôn có 04 phòng: (1) Hành chính, tổng hợp; (2) Kinh tế hợp tác và trang trại; (3) Phát triển nông thôn và bố trí dân cư; (4) Cơ điện và ngành nghề nông thôn.

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông, lâm sản và Thủy sản có 04 phòng: (1) Hành chính, tổng hợp; (2) Thanh tra, pháp chế; (3) Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối; (4) Chế biến và thương mại nông sản.

- Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới (tổ chức hành chính đặc thù) có 03 phòng, gồm: (1) Kế hoạch - Tổng hợp; (2) Nghiệp vụ; (3) Truyền thông”.

3. Giữ nguyên tổ chức bộ máy bên trong của Thanh Tra tỉnh do được giao thêm nhiệm vụ mới:

- Biên chế công chức hành chính được giao: 45.

- Lãnh đạo: 04 người (Chánh Thanh tra và 03 Phó Chánh Thanh tra).

- Có Văn phòng và 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1; (2) Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2; (3) Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3; (4) Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 4; (5) Thanh tra phòng chống tham nhũng; (6) Giám sát và xử lý sau thanh tra.

4. Thực hiện sắp xếp các tổ chức thuộc 11 sở do không bảo đảm tiêu chí hoặc cần sắp xếp lại để phù hợp với yêu cầu quản lý theo lĩnh vực, gồm:

4.1. Sở Nội vụ:

Biên chế công chức hành chính được giao: 72.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở; Thanh tra sở; 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và 02 ban, 01 chi cục; có 10 phòng thuộc các ban và chi cục trực thuộc.

b) Cơ cấu sau khi sắp xếp, tổ chức lại:

- Lãnh đạo sở: 04 người (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra; 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Tổ chức, biên chế; (2) Công chức, viên chức; (3) Xây dựng chính quyền và Công tác thanh niên; (4) Cải cách hành chính.

- Có 03 đơn vị trực thuộc:

+ Ban Thi đua - khen thưởng có 02 phòng: (1) Hành chính - Tổng hợp; (2) Nghiệp vụ Thi đua - Khen thưởng.

+ Ban Tôn giáo có 02 phòng: (1) Hành chính - Tổng hợp; (2) Phòng Nghiệp vụ Tôn giáo.

+ Chi cục Văn thư - lưu trữ có 03 phòng: (1) Hành chính - Tổng hợp; (2) Quản lý văn thư - Lưu trữ; (3) Thu thập, chỉnh lý và sử dụng, bảo quản tài liệu lưu trữ.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: giảm 03 phòng thuộc 03 đơn vị trực thuộc.

4.2. Sở Tư pháp:

Biên chế công chức hành chính được giao: 41.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở; Thanh tra sở và 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp lại:

- Lãnh đạo sở: 03 người (Giám đốc và 02 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra; 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Phổ biến giáo dục pháp luật; (2) Xây dựng và kiểm tra văn bản; (3) Hành chính tư pháp; (4) Bồi trợ tư pháp.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: giảm 01 phòng.

4.3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Biên chế công chức hành chính được giao: 93.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở; Thanh tra sở; 07 phòng chuyên môn, nghiệp vụ; 02 chi cục và 06 phòng thuộc chi cục.

b) Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp lại:

- Lãnh đạo sở: Từ 05 đến 06 người (Giám đốc và 04 đến 05 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra; 07 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Pháp chế; (2) Tài nguyên khoáng sản; (3) Quản lý đất đai; (4) Chính sách đất đai; (5) Tài nguyên nước; (6) Phòng Đo đạc - Bản đồ; (7) Tài chính - Kế hoạch.

- Có 02 đơn vị trực thuộc:

+ Chi cục Bảo vệ môi trường, có 02 phòng, gồm: (1) Hành chính - Tổng hợp; (2) Thẩm định, đánh giá tác động môi trường và Kiểm soát ô nhiễm.

+ Chi cục Biển và Hải đảo, có 02 phòng, gồm: (1) Hành chính - Tổng hợp; (2) Quản lý tài nguyên và Điều tra, quy hoạch biển, đảo.

c) Kết quả sau khi sắp xếp lại: giảm 02 phòng thuộc các chi cục.

4.4. Sở Công Thương:

Biên chế công chức hành chính được giao: 61.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở; Thanh tra sở và 07 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp lại:

- Lãnh đạo sở: 04 người (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra; 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp; (2) Quản lý năng lượng; (3) Quản lý công nghiệp; (4) Kỹ thuật an toàn - Môi trường; (5) Quản lý thương mại; (6) Quản lý Xuất nhập khẩu.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: giảm 01 phòng.

4.5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Biên chế công chức hành chính được giao: 70.

a) Cơ cấu tổ chức gồm: Văn phòng sở, Thanh tra sở và 08 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp lại:

- Lãnh đạo sở: 04 người (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra; 07 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Tổ chức cán bộ; (2) Kế hoạch - Tài chính; (3) Giáo dục mầm non; (4) Giáo dục tiểu học; (5) Giáo dục trung học; (6) Quản lý đào tạo và giáo dục thường xuyên; (7) Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

c) Kết quả sau khi sắp xếp lại: giảm 01 phòng.

4.6. Sở Y tế:

Biên chế công chức hành chính được giao: 76.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở, Thanh tra sở, 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ; 02 chi cục và 07 phòng thuộc chi cục.

b) Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp lại:

- Lãnh đạo sở: 04 người (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra; 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Tổ chức cán bộ; (2) Nghiệp vụ Y; (3) Nghiệp vụ Dược; (4) Kế hoạch - Tài chính; (5) Quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

- Có 02 đơn vị trực thuộc:

+ Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình có 02 phòng: (1) Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch và tài vụ; (2) Dân số - Truyền thông - Giáo dục - Kế hoạch hóa gia đình.

+ Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm có 02 phòng: (1) Hành chính - Tổng hợp - Thông tin, truyền thông và Phòng chống ngộ độc thực phẩm; (2) Đăng ký và chứng nhận sản phẩm - Thanh tra.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: giảm 03 phòng thuộc các chi cục.

4.7. Sở Khoa học và Công nghệ:

Biên chế công chức hành chính được giao: 58.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở, Thanh tra sở, 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và 01 chi cục; có 04 phòng thuộc chi cục.

b) Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp lại:

- Lãnh đạo sở: 03 người (Giám đốc và 02 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra sở; 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Quản lý Khoa học; (2) Quản lý Công nghệ; (3) Quản lý cơ sở; (4) Phát triển Tiềm lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- 01 đơn vị trực thuộc là Chi cục Tiêu chuẩn và Đo lường chất lượng có 03 phòng, gồm: (1) Hành chính - Tổng hợp; (2) Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng; (3) Phòng Quản lý Đo lường.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: giảm 02 phòng thuộc sở và 01 phòng thuộc chi cục.

4.8. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Biên chế công chức hành chính được giao: 70.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở, Thanh tra sở và 08 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Cơ cấu tổ chức khi sắp xếp, tổ chức lại:

- Lãnh đạo sở: từ 04 đến 05 người (Giám đốc và 03 đến 04 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra; 07 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Tổng hợp, quy hoạch; (2) Kinh tế Nông nghiệp; (3) Kinh tế Công nghiệp và Dịch vụ; (4) Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư; (5) Đầu tư và Doanh nghiệp; (6) Khoa giáo, Văn xã; (7) Đăng ký kinh doanh.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: giảm 01 phòng.

4.9. Sở Thông tin và Truyền thông:

Biên chế công chức hành chính được giao: 31.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở, Thanh tra sở và 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại:

- Lãnh đạo sở: 03 người (Giám đốc và 02 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra; 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Quản lý Bưu chính - Viễn thông; (2) Quản lý Thông tin - Báo chí - Xuất bản; (3) Quản lý Công nghệ thông tin.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: giảm 02 phòng.

4.10. Sở Ngoại vụ:

Biên chế công chức hành chính được giao: 21.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở, Thanh tra sở và 02 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại:

- Lãnh đạo sở: Từ 02 đến 03 người (Giám đốc và 02 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng - Thanh tra; 02 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Hợp tác quốc tế; (2) Lãnh sự - Biên giới.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: giảm 01 phòng.

4.11. Sở Giao thông vận tải:

Biên chế công chức hành chính được giao: 76.

a) Cơ cấu tổ chức hiện nay gồm: Văn phòng sở, Thanh tra sở và 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ, bảo đảm tiêu chí theo quy định.

b) Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại:

- Lãnh đạo sở: 04 người (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc).

- Có Văn phòng; Thanh tra; 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: (1) Kế hoạch - Tài chính; (2) Thẩm định - Khoa học kỹ thuật; (3) Quản lý Giao thông; (4) Quản lý vận tải; (5) Quản lý Phương tiện và Người lái.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại: giảm 01 phòng thuộc sở.

Trên cơ sở sáp nhập, tổ chức lại 02 phòng Quản lý Giao thông và Quản lý Giao thông nông thôn thành phòng Quản lý Giao thông, Sở Giao thông vận tải căn cứ quy định của pháp luật, nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, bảo đảm kinh phí chi thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì công trình đường bộ, đường thủy nội địa và hoạt động xe buýt, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

III. SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI TỔ CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND CẤP HUYỆN

1. Cơ cấu tổ chức hiện nay của các cơ quan chuyên môn (gọi chung là phòng) thuộc UBND cấp huyện

Hiện nay, 27 UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có 335 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương, trong đó:

- 16 UBND các huyện, thị xã, thành phố miền xuôi và đồng bằng¹ có 12 phòng, gồm: (1) Nội vụ; (2) Tư pháp; (3) Tài chính - Kế hoạch; (4) Tài nguyên và Môi trường; (5) Lao động - Thương binh và Xã hội; (6) Văn hóa và Thông tin; (7) Giáo dục và Đào tạo; (8) Thanh tra huyện (9) Văn phòng HĐND và UBND; (10) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ở huyện); Kinh tế (ở thành phố, thị xã); (11) Kinh tế hạ tầng (ở huyện); Quản lý đô thị (ở thành phố, thị xã); (12) Y tế.

- 11 UBND các huyện miền núi² có 13 phòng, gồm: (1) Nội vụ; (2) Tư pháp; (3) Tài chính - Kế hoạch; (4) Tài nguyên và Môi trường; (5) Lao động - Thương binh và Xã hội; (6) Văn hóa và Thông tin; (7) Giáo dục và Đào tạo; (8) Thanh tra huyện (9) Văn phòng HĐND và UBND; (10) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (11) Kinh tế hạ tầng; (12) Y tế; (13) Dân tộc.

2. Sắp xếp, tổ chức lại tổ chức và số lượng cấp phó

Thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đồng bộ, thống nhất theo các nguyên tắc sau:

2.1. Số lượng các cơ quan chuyên môn thuộc 16 UBND huyện, thị xã, thành phố miền xuôi và đồng bằng là 11 phòng, đối với 11 UBND huyện miền núi là 12 phòng.

2.2. Không tổ chức riêng Phòng Y tế thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn toàn tỉnh và chuyển giao chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực y tế về Văn phòng HĐND và UBND thực hiện.

2.3. UBND các huyện, thị xã, thành phố trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định việc thành lập hoặc không thành lập và kiện toàn tổ chức các phòng cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, cụ thể:

a) Đối với 16 UBND huyện, thị xã, thành phố miền xuôi và đồng bằng có 11 phòng, gồm: (1) Nội vụ; (2) Tư pháp; (3) Tài chính - Kế hoạch; (4) Tài nguyên và Môi trường; (5) Lao động - Thương binh và Xã hội; (6) Văn hóa và Thông tin; (7) Giáo dục và Đào tạo; (8) Thanh tra (9) Văn phòng HĐND và UBND; (10) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ở huyện); Kinh tế (ở thành phố, thị xã); (11) Kinh tế hạ tầng (ở huyện); Quản lý đô thị (ở thành phố, thị xã).

¹ UBND các huyện: Thọ Xuân, Đông Sơn, Hoằng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Nông Cống, Quảng Xương, Hà Trung, Vĩnh Lộc, Nga Sơn, Thiệu Hóa, Hậu Lộc; UBND các thị xã: Nghi Sơn, Bim Sơn; UBND các thành phố: Sầm Sơn, Thanh Hóa.

² UBND các huyện, gồm: Như Thanh, Như Xuân, Cẩm Thủy, Bá Thước, Lang Chánh, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát.

b) Đối với 11 UBND các huyện miền núi có 12 phòng, gồm: (1) Nội vụ; (2) Tư pháp; (3) Tài chính - Kế hoạch; (4) Tài nguyên và Môi trường; (5) Lao động - Thương binh và Xã hội; (6) Văn hóa và Thông tin; (7) Giáo dục và Đào tạo; (8) Thanh tra (9) Văn phòng HĐND và UBND; (10) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (11) Kinh tế hạ tầng; (12) Dân tộc.

2.4. Sau khi kiện toàn tổ chức các phòng, UBND cấp huyện bố trí số lượng phó trưởng phòng bảo đảm không cao hơn quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ (theo Khoản 3, Điều 2 quy định: Bình quân mỗi phòng có 02 Phó Trưởng phòng. Căn cứ số lượng phòng chuyên môn được thành lập và tổng số lượng Phó Trưởng phòng, UBND huyện quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn cho phù hợp).

IV. KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

1. Về tổ chức

- Có 08 sở giữ nguyên cơ cấu tổ chức như hiện có, 11 sở có thay đổi về cơ cấu tổ chức do sắp xếp lại các phòng chuyên môn, thuộc sở, thuộc chi cục, gồm: Nội vụ, Ngoại vụ, Tư pháp, Công Thương, Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải.

- Tổng số phòng thuộc sở là 133, giảm 10 phòng.

- Tổng số phòng thuộc UBND cấp huyện không vượt quá 297, giảm tối thiểu 38 phòng.

- Tổng số phòng thuộc chi cục là 41, giảm 10 phòng.

2. Về cấp trưởng, cấp phó

- Trước mắt giảm 10 trưởng cấp phòng thuộc sở, 27 trưởng phòng thuộc UBND cấp huyện; sau khi thực hiện bố trí số lượng cấp phó đúng quy định, số lượng phó trưởng phòng thuộc sở giảm 68 người.

- Giảm 10 trưởng các phòng thuộc chi cục; sau khi thực hiện bố trí số lượng cấp phó đúng quy định, số lượng phó trưởng phòng thuộc chi cục giảm 26 người.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các sở

1.1. Xây dựng Phương án quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở; hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, dự thảo quyết định, trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 15/8/2021 để xem xét, phê duyệt.

Riêng đối với 08 sở có cơ cấu tổ chức giữ nguyên như hiện nay ngoài việc xây dựng Phương án nêu trên, tiếp tục rà soát cơ cấu tổ chức, báo cáo UBND tỉnh về lộ trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các phòng theo hướng sáp nhập, hợp nhất, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả; hoàn thành trong tháng 12 năm 2022.

1.2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, ban, chi cục và tương đương theo cơ cấu tổ chức được UBND tỉnh phê duyệt.

1.3. Căn cứ số lượng biên chế công chức được UBND tỉnh giao để quyết định phân bổ biên chế công chức hành chính cho từng phòng; chỉ đạo Thủ trưởng ban, chi cục và tương đương quyết định biên chế công chức của từng phòng trực thuộc theo số lượng biên chế được giao; bố trí, sắp xếp cán bộ lãnh đạo quản lý, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện và số lượng theo quy định.

1.4. Trong quá trình thực hiện sắp xếp lại tổ chức, số lượng cấp phó các tổ chức, đơn vị do sắp xếp có thể cao hơn quy định, nhưng khi có cấp phó nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác thì không được bổ sung và phải có giải pháp điều chỉnh, sắp xếp lại số cấp phó vượt quy định để bảo đảm trong thời hạn 3 năm kể từ ngày sắp xếp, số lượng cấp phó không vượt quá số lượng quy định.

1.5. Tham mưu, đề xuất, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành trước ngày 30/10/2021.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

2.1. Xây dựng Đề án báo cáo Ban Thường vụ Huyện, Thị ủy, Thành ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định việc thành lập hoặc không thành lập và kiện toàn tổ chức các phòng cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, bảo đảm không tăng số lượng theo quy định của Chính phủ và quy định của UBND tỉnh tại Điểm 2, Mục III, Phần thứ ba, Đề án này.

2.2. Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan và của UBND tỉnh, quyết định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng thuộc UBND huyện; hoàn thành trước ngày 31/8/2021.

2.3. Quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ và quy định của UBND tỉnh tại Mục III, Phần thứ ba, Đề án này; hoàn thành trước ngày 15/8/2021.

2.4. Tham mưu, đề xuất, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành trước ngày 30/10/2021.

3. Sở Tài chính

3.1. Hướng dẫn, thẩm định về nội dung kiểm kê, điều chuyển, bàn giao tài chính, tài sản, kinh phí của các cơ quan, đơn vị được sắp xếp, tổ chức lại.

3.2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Đề án này và các nhiệm vụ liên quan, bao gồm các nhiệm vụ về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ về thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Sở Nội vụ

4.1. Hướng dẫn các sở xây dựng Phương án quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, cơ quan ngang sở; hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn cấp huyện, trước ngày 25/7/2021; thẩm định, hoàn chỉnh dự thảo quyết định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt trước ngày 30/8/2021.

4.2. Thẩm định, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của các sở, UBND cấp huyện; hoàn thành trước ngày 30/11/2021.

4.3. Tham mưu, trình UBND tỉnh điều chỉnh biên chế sau khi sắp xếp, tổ chức lại theo Đề án này để bố trí cho các sở, UBND cấp huyện đang còn thiếu, bảo đảm có đủ nhân lực để thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, hoàn thành trước ngày 30/12/2021.

4.4. Chủ trì, phối hợp với các sở, đơn vị liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Quy định khung số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 4513/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Quy định khung số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và Quyết định số 4514/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 Quy định khung số lượng cấp phó các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố; hoàn thành trước ngày 30/10/2021.

4.5. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp ý kiến của các sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện nhiệm vụ theo Đề án này; tham mưu, báo cáo UBND tỉnh những vấn đề vượt thẩm quyền.

Yêu cầu các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc, khẩn trương thực hiện Đề án, bảo đảm thời gian và chất lượng theo quy định./.

THỰC TRẠNG CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ CÁC PHÒNG THUỘC SỞ
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ /2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
I	Sở Nội vụ				
1	Cơ quan sở		9	4	
(1)	Văn phòng Sở	7	2	1	
(2)	Thanh Tra Sở	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(3)	Phòng Tổ chức Biên chế	6	2	1	
(4)	Phòng Công chức, viên chức	6	1	1	
(5)	Phòng Xây dựng Chính quyền và Công tác thanh niên	6	2	1	
(6)	Phòng Cải cách hành chính	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
2	Đơn vị trực thuộc				
(7)	Ban Thi đua Khen thưởng		3	0	
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành	3	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Thi đua, khen thưởng các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp	3	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
(8)	Ban Tôn giáo		0	0	
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Công giáo và Tin lành	3	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Phật giáo và các tôn giáo khác	3	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(9)	Chi cục Văn thư Lưu trữ		3		
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp	3	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Quản lý văn thư - Lưu trữ	2	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Thu thập - Chính lý tài liệu	1	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Tổ chức sử dụng và bảo quản tài liệu lưu trữ	2	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
II	Sở Tư pháp		9	2	
(1)	Văn phòng Sở	7	1	1	
(2)	Thanh tra Sở	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(3)	Phòng Phổ biến GDPL	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(4)	Phòng Hành chính Tư pháp	8	2	1	
(5)	Phòng Hỗ trợ TP	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
(6)	Phòng KT&TDTHVBPL	3	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(7)	Phòng Xây dựng Văn bản	6	2	0	
III	Sở Tài nguyên và Môi trường				
1	Cơ quan sở		17	7	
(1)	Văn phòng Sở	7	3	1	
(2)	Thanh Tra Sở	5	2	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(3)	Phòng Tài nguyên khoáng sản	6	1	1	
(4)	Phòng Quản lý Đất đai	13	3	2	
(5)	Phòng Chính sách Đất đai	6	2	1	
(6)	Phòng Tài nguyên nước	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(7)	Phòng Đo đạc bản đồ	5	2	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(8)	Phòng Pháp chế	3	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(9)	Phòng Tài chính - Kế hoạch	10	2	2	
2	Đơn vị trực thuộc				
(10)	Chi cục Bảo vệ môi trường	14	3		
-	Phòng Tổng hợp				Không bảo đảm tiêu chí thành lập 03 phòng
-	Phòng Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường				
-	Phòng Kiểm soát ô nhiễm				
(11)	Chi cục Biển và Hải đảo	12	2		
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp				Không bảo đảm tiêu

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
-	Phòng Quản lý tài nguyên biển, đảo.				chỉ thành lập 03 phòng
-	Phòng Điều tra và Quy hoạch biển, đảo				
IV	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		16	12	
(1)	Văn phòng Sở	7	1	1	
(2)	Thanh tra Sở	8	2	2	
(3)	Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới	8	2	1	
(4)	Phòng Kế hoạch - Tài chính	7	1	1	
(5)	Phòng Giáo dục nghề nghiệp	6	2	1	
(6)	Phòng Lao động - Việc làm	11	3	2	
(7)	Phòng Phòng chống tệ nạn xã hội	7	2	1	
(8)	Phòng Bảo trợ xã hội	7	1	1	
(9)	Phòng Người có công	9	2	2	
V	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
1	Cơ quan sở		14	11	
(1)	Văn phòng Sở	7	3	2	
(2)	Thanh Tra Sở	10	3	2	
(3)	Phòng Kế hoạch, Tài chính	12	3	3	
(4)	Phòng Tổ chức CB	7	2	2	
(5)	Quản lý xây dựng công trình	10	3	2	
2	Đơn vị trực thuộc Sở				
(6)	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật		8	5	
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	2	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Trồng trọt	6	1	1	

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
-	Phòng Bảo vệ thực vật	4	3	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	5	1	1	
-	Trạm kiểm dịch thực vật nội địa	2	2	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(7)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y		7	8	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	2	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	2	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	2	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	2	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Quản lý dịch bệnh	3	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Trạm KDDV Dốc Xây	1	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Trạm KDDV và Thủy sản Tĩnh Gia	1	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Trạm KDDV Thạch Lâm	2	0	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật	2	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
-	Viên chức KD ĐV tại cửa khẩu Tén Tàn				
(8)	Chi cục Kiểm lâm		43	50	
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	8	2	2	
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	5	1	2	
-	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng	7	2	2	
-	Phòng Bảo tồn thiên nhiên	6	2	2	
-	Sử dụng và phát triển rừng	10	2	2	
-	Phòng Tổ chức, tuyên truyền và xây dựng lực lượng	6	1	2	
-	17 Hạt Kiểm lâm trực thuộc	185	29	34	
-	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 01	9	2	2	
-	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 02	9	2	2	
(9)	Chi cục Thủy sản		6	8	
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	3	0	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	3	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Nuôi trồng thủy sản	3	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Quản lý khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản	3	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	4	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Trạm Thủy sản Lạch Bạng	2	0	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
-	Trạm Thủy sản Lạch Hới	1	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Trạm Thủy sản Hòa Lộc	1	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(10)	Chi cục thủy lợi		12	14	
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	5	3	1	
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	5	1	1	
-	Phòng Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	5	1	1	
-	Phòng Quản lý đê điều; Phòng, chống thiên tai	5	0	1	
-	09 Hạt quản lý đê	0	6	9	Được giao 81 viên chức
-	01 Trạm đo nước dâng (do bão) Sầm Sơn	0	1	1	
(11)	Chi cục Phát triển nông thôn				
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	3	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Kinh tế hợp tác và trang trại	4	1	1	
-	Phòng Phát triển nông thôn và Bố trí dân cư	6	1	1	
-	Phòng Cơ điện và ngành nghề nông thôn	5	1	1	
(12)	Chi cục quản lý chất lượng NLS và TS		2	4	
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	2	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	3	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối	3	0	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
-	Phòng Chế biến và thương mại nông sản	2	0	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(13)	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới		4	4	
-	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	4	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	2	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Nghiệp vụ	5	1	1	
	Phòng Truyền thông	4	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
VI	Sở Công thương	55	12	7	
(1)	Văn phòng Sở	9	1	2	
(2)	Thanh tra Sở	5	2	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(3)	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu	6	1	1	
(4)	Phòng Quản lý thương mại	10	2	2	
(5)	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	6	2	1	
(6)	Phòng Mỏ và Đầu tư	4	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(7)	Phòng Quản lý điện năng	7	2	1	
(8)	Phòng Kỹ thuật và an toàn công nghiệp	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(9)	Phòng Quản lý công nghiệp nông thôn	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
VII	Sở Xây dựng		28	11	

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
(1)	Văn phòng Sở	6	2	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(2)	Thanh Tra Sở	9	4	2	
(3)	Phòng Kinh tế xây dựng	6	2	1	
(4)	Phòng Phát triển đô thị	6	4	1	
(5)	Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản	6	3	1	
(6)	Phòng Quản lý Hạ tầng kỹ thuật	6	3	1	
(7)	Phòng Quản lý chất lượng công trình xây dựng	6	2	1	
(8)	Phòng lý Quản lý hoạt động xây dựng	6	3	1	
(9)	Phòng Quản lý Quy hoạch kiến trúc	6	3	1	
(10)	Phòng Quản lý Vật liệu xây dựng	6	2	1	
VIII	Sở Giao thông - Vận tải		12	9	
(1)	Văn phòng Sở	7	1	1	
(2)	Thanh Tra Sở	26	3	3	
(3)	Phòng Kế hoạch - Tài chính	8	2	1	
(4)	Phòng Quản lý Giao thông	9	2	2	
(5)	Phòng Quản lý Vận tải	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(6)	Phòng Thẩm định - Khoa học kỹ thuật	8	2	1	
(7)	Phòng Quản lý giao thông nông thôn	2	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(8)	Phòng Quản lý Phương tiện và người lái	6	1	1	
IX	Sở Giáo dục và Đào tạo		17	9	
(1)	Văn phòng Sở	9	1	2	
(2)	Thanh tra Sở	6	2	1	

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
(3)	Phòng Tổ chức cán bộ	6	2	1	
(4)	Phòng Kế hoạch - Tài chính	8	2	1	
(5)	Phòng Giáo dục Mầm non	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(6)	Phòng Giáo dục Tiểu học	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(7)	Phòng Giáo dục Trung học	10	3	2	
(8)	Phòng Quản lý đào tạo và Giáo dục thường xuyên	5	2	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(9)	Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục	6	2	1	
(10)	Phòng Chính tư tưởng	6	1	1	
X	Sở Tài chính	89	21	16	
(1)	Văn phòng Sở	11	3	2	
(2)	Thanh tra Sở	13	3	2	
(3)	Phòng Tài chính Đầu tư	11	2	2	
(4)	Phòng Quản lý Ngân sách huyện, xã	10	2	2	
(5)	Phòng Quản lý Ngân sách, Tin học và Thống kê tài chính	10	3	2	
(6)	Phòng Quản lý công sản Giá cả	13	3	2	
(7)	Phòng Tài chính Doanh nghiệp và Chính sách Phát triển kinh tế	10	2	2	
(8)	Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp.	11	3	2	
XI	Sở Y tế				
I	Cơ quan sở	38	7		
(1)	Văn phòng Sở	3	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
(2)	Thanh Tra Sở	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(3)	Phòng Tổ chức cán bộ	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(4)	Phòng Nghiệp vụ Y	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(5)	Phòng nghiệp vụ Dược	6	1	0	
(6)	Phòng Kế hoạch tài chính	9	2	2	
(7)	Phòng Quản lý hành nghề Y dược tư nhân	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
2	<i>Đơn vị trực thuộc</i>				
(8)	Chi cục Dân số Kế hoạch hoá gia đình	14	4		
-	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch và tài vụ	7	1	2	
-	Phòng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	3	2	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Truyền thông - Giáo dục	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(9)	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm	12	4	0	
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp	4	3	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Thông tin, truyền thông và phòng chống ngộ độc thực phẩm	3	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
-	Phòng Đăng ký và chứng nhận sản phẩm	2	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
-	Thanh tra	3	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
XII	Sở KH và Công nghệ				
1	<i>Cơ quan sở</i>		9	0	
(1)	Văn phòng Sở	5	2	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(2)	Thanh tra Sở	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(3)	Phòng Quản lý Khoa học	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(4)	Phòng Quản lý Công nghệ	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(5)	Phòng Quản lý chuyên ngành	3	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(6)	Phòng Quản lý Khoa học và công nghệ cơ sở	3	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(7)	Phòng Tài chính - Kế hoạch	3	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(8)	Phòng Phát triển Tiềm lực khoa học và công nghệ	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
2	<i>Đơn vị trực thuộc</i>				
(9)	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng		4	4	
-	Phòng Tổ chức - Hành chính	5	1	1	
-	Phòng TBT - Tổng hợp	5	1	1	
-	Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng	6	1	1	

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
-	Phòng Quản lý Đo lường	5	1	1	
XIII	Sở Kế hoạch và Đầu tư		18	10	
(1)	Văn phòng Sở	6	2	1	
(2)	Thanh tra Sở	3	2	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(3)	Phòng Kinh tế Công nghiệp và Dịch vụ	6	2	1	
(4)	Phòng Kinh tế đối ngoại	9	2	2	
(5)	Phòng Kinh tế Nông nghiệp	6	2	1	
(6)	Phòng Văn xã	6	2	1	
(7)	Phòng Quản lý Quy hoạch	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(8)	Phòng Đăng ký kinh doanh	10	2	2	
(9)	Phòng Thẩm định	7	2	1	
(10)	Phòng Tổng hợp	6	1	1	
XIV	Sở Thông tin và Truyền thông	27	6	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập 07 phòng
(1)	Văn phòng Sở	5	1	0	
(2)	Thanh tra Sở	3	1	0	
(3)	Phòng Quản lý Báo chí, Xuất bản	4	0	0	
(4)	Phòng Quản lý Bưu chính	3	1	0	
(5)	Phòng Quản lý Công nghệ Thông tin	4	1	0	
(6)	Phòng Quản lý Viễn thông	4	1	0	
(7)	Phòng Kế hoạch - Tài chính	4	1	0	
XV	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	72	11	13	
(1)	Văn phòng Sở	16	2	3	

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
(2)	Thanh tra Sở	6	1	1	
(3)	Phòng Tổ chức cán bộ	6	1	1	
(4)	Phòng Kế hoạch tài chính	6	1	1	
(5)	Phòng Quản lý Di sản văn hóa	4	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(6)	Phòng Nghiệp vụ văn hoá	7	1	1	
(7)	Phòng Quản lý thể dục thể thao	7	1	2	
(8)	Phòng Quản lý Du lịch	6	1	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(9)	Phòng Quy hoạch, Phát triển tài nguyên Du lịch	7	1	1	
(10)	Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình	7	1	1	
XVI	Sở Ngoại vụ		3	1	
(1)	Văn phòng Sở	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(2)	Thanh tra Sở	1	0	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(3)	Phòng Hợp tác Quốc tế	6	1	1	
(4)	Phòng Lãnh sự - Biên giới	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
XVII	Ban Dân tộc		5	4	
(1)	Văn phòng Ban	8	2	1	
(2)	Phòng Thanh tra	6	1	1	
(3)	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	8	1	1	
(4)	Phòng Chính sách và Tuyên truyền	6	1	1	
XVII	Thanh tra tỉnh		9	3	

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
(1)	Văn phòng	6	2	1	
(2)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1	5	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(3)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2	6	0	1	
(4)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3	4	2	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(5)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 4	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(6)	Phòng Xử lý sau Thanh tra	4	1	0	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(7)	Phòng Thanh tra chống Tham nhũng	6	2	1	
XVII	Văn phòng UBND tỉnh				
1	Cơ quan Văn phòng		22	15	
(1)	Phòng Hành chính Tổ chức	13	3	3	
(2)	Phòng Nông nghiệp, Khoa học công nghệ và Tài nguyên môi trường	6	3	1	
(3)	Phòng Công nghiệp - Xây dựng - Giao thông	4	2	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(4)	Phòng Kinh tế - Tài chính	7	3	1	
(5)	Phòng Văn hóa - Xã hội	5	2	1	Không bảo đảm tiêu chí thành lập phòng
(6)	Phòng Tổng hợp - Kế hoạch	9	2	2	
(7)	Phòng Quản trị - Tài vụ	24	2	3	
(8)	Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Nội chính	5	2	1	
(9)	Ban Tiếp công dân	7	1	1	

TT	Tên tổ chức	Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Ghi chú
(10)	Phòng Quản lý Công Thông tin điện tử và công nghệ thông tin	6	2	1	
2	<i>Đơn vị trực thuộc</i>				
(11)	Văn phòng Điều phối vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh				
-	Phòng Tổng hợp - Kế hoạch và Hành chính	3	1		
-	Phòng Nghiệp vụ và Truyền thông	3	1		
(12)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công				
-	Tổ Hành chính - Quản trị	4			
-	Tổ Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả	4			
-	Tổ Giám sát - Tổng hợp	3			

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÁC SỞ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
I	Sở Nội vụ	I	Sở Nội vụ	0	-3	-4	-6
1	Cơ quan sở	1	Cơ quan sở	0	0	-1	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh Tra Sở	(2)	Thanh Tra Sở				
(3)	Phòng Tổ chức Biên chế	(3)	Phòng Tổ chức Biên chế				
(4)	Phòng Công chức, viên chức	(4)	Phòng Công chức, viên chức				
(5)	Phòng Xây dựng Chính quyền và Công tác thanh niên	(5)	Phòng Xây dựng Chính quyền và Công tác thanh niên				
(6)	Phòng Cải cách hành chính	(6)	Phòng Cải cách hành chính				
2	Đơn vị trực thuộc	2	Đơn vị trực thuộc				
(7)	Ban Thi đua Khen thưởng	(7)	Ban Thi đua Khen thưởng		-1	-1	-2
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp	-	Phòng Hành chính - Tổng hợp				
-	Phòng Thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành	-	Phòng Nghiệp vụ Thi đua, khen thưởng				
-	Phòng Thi đua, khen thưởng các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp						
(8)	Ban Tôn giáo	(8)	Ban Tôn giáo		-1	-1	-2

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp	-	Phòng Hành chính - Tổng hợp				
-	Phòng Công giáo và Tin lành	-	Phòng Nghiệp vụ Tôn giáo				
-	Phòng Phật giáo và các tôn giáo khác	-					
(9)	Chi cục Văn thư Lưu trữ	(9)	Chi cục Văn thư Lưu trữ		-1	-1	-2
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp	-	Phòng Hành chính - Tổng hợp				
-	Phòng Quản lý văn thư - Lưu trữ	-	Phòng Quản lý văn thư - Lưu trữ				
-	Phòng Thu thập - Chính lý tài liệu	-	Phòng Thu thập, chính lý, sử dụng và bảo quản tài liệu				
-	Phòng Tổ chức sử dụng và bảo quản tài liệu lưu trữ						
II	Sở Tư pháp	II	Sở Tư pháp	-1	0	-4	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Thanh tra Sở				
(3)	Phòng Phổ biến GDPL	(3)	Phòng Phổ biến GDPL				
(4)	Phòng Hành chính Tư pháp	(4)	Phòng Hành chính Tư pháp				
(5)	Phòng Hỗ trợ TP	(5)	Phòng Hỗ trợ TP				
(6)	Phòng KT&TDTHVBPL	(6)	Phòng Xây dựng văn bản				
(7)	Phòng Xây dựng Văn bản						
III	Sở Tài nguyên và Môi trường	III	Sở Tài nguyên và Môi trường	0	-2	-7	-2
I	Cơ quan sở	I	Cơ quan sở	0	0	-7	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
(2)	Thanh Tra Sở	(2)	Thanh Tra Sở				
(3)	Phòng Tài nguyên khoáng sản	(3)	Phòng Tài nguyên khoáng sản				
(4)	Phòng Quản lý Đất đai	(4)	Phòng Quản lý Đất đai				
(5)	Phòng Chính sách Đất đai	(5)	Phòng Chính sách Đất đai				
(6)	Phòng Tài nguyên nước	(6)	Phòng Tài nguyên nước				
(7)	Phòng Đo đạc bản đồ	(7)	Phòng Đo đạc bản đồ				
(8)	Phòng Pháp chế	(8)	Phòng Pháp chế				
(9)	Phòng Tài chính - Kế hoạch	(9)	Phòng Tài chính - Kế hoạch				
2	<i>Đơn vị trực thuộc</i>	2	<i>Đơn vị trực thuộc</i>	0	-2	0	-2
(10)	Chi cục Bảo vệ môi trường	(10)	Chi cục Bảo vệ môi trường				
-	Phòng Tổng hợp	-	Phòng Hành chính - Tổng hợp		-1		-1
-	Phòng Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường	-	Phòng Thẩm định, đánh giá tác động môi trường và Kiểm soát ô nhiễm				
-	Phòng Kiểm soát ô nhiễm						
(11)	Chi cục Biển và Hải đảo	(11)	Chi cục Biển và Hải đảo		-1		-1
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp	-	Phòng Hành chính - Tổng hợp				
-	Phòng Quản lý tài nguyên biển đảo.	-	Phòng Quản lý tài nguyên và Điều tra, quy hoạch biển, đảo				
-	Phòng Điều tra và Quy hoạch biển, đảo						
IV	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	IV	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	0	0	-4	0

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Thanh tra Sở				
(3)	Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới	(3)	Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới				
(4)	Phòng Kế hoạch - Tài chính	(4)	Phòng Kế hoạch - Tài chính				
(5)	Phòng Giáo dục nghề nghiệp	(5)	Phòng Giáo dục nghề nghiệp				
(6)	Phòng Lao động - Việc làm	(6)	Phòng Lao động - Việc làm				
(7)	Phòng Phòng chống tệ nạn xã hội	(7)	Phòng Phòng chống tệ nạn xã hội				
(8)	Phòng Bảo trợ xã hội	(8)	Phòng Bảo trợ xã hội				
(9)	Phòng Người có công	(9)	Phòng Người có công				
V	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	V	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	0	-12	0
1	Cơ quan Sở	1	Cơ quan sở	0	0	0	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh Tra Sở	(2)	Thanh Tra Sở				
(3)	Phòng Kế hoạch, Tài chính	(3)	Phòng Kế hoạch, Tài chính				
(4)	Phòng Tổ chức CB	(4)	Phòng Tổ chức CB				
(5)	Quản lý xây dựng công trình	(5)	Quản lý xây dựng công trình				
2	Đơn vị trực thuộc Sở	2	Đơn vị trực thuộc Sở	0	0	0	0
(6)	Chi cục bảo vệ thực vật	(6)	Chi cục bảo vệ thực vật				
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	-	Phòng Hành chính, tổng hợp				
-	Phòng Trồng trọt	-	Phòng Trồng trọt				
-	Phòng Bảo vệ thực vật	-	Phòng Bảo vệ thực vật				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	-	Phòng Thanh tra, pháp chế				
-	Trạm kiểm dịch thực vật nội địa	-	Trạm kiểm dịch thực vật nội địa				
(7)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	(7)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y				
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	-	Phòng Hành chính, tổng hợp				
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	-	Phòng Thanh tra, pháp chế				
-	Phòng Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	-	Phòng Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi				
-	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	-	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi				
-	Phòng Quản lý dịch bệnh	-	Phòng Quản lý dịch bệnh				
-	Trạm Kiểm dịch động vật Dốc Xây	-	Trạm Kiểm dịch động vật Dốc Xây				
-	Trạm Kiểm dịch động vật Thạch Lâm	-	Trạm Kiểm dịch động vật Thạch Lâm				
-	Trạm Kiểm dịch động vật và thủy sản Tĩnh Gia	-	Trạm Kiểm dịch động vật và thủy sản Tĩnh Gia				
(8)	Chi cục Kiểm lâm	(8)	Chi cục Kiểm lâm				
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	-	Phòng Hành chính, tổng hợp				
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	-	Phòng Thanh tra, pháp chế				
-	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng	-	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng				
-	Phòng Bảo tồn thiên nhiên	-	Phòng Bảo tồn thiên nhiên				
-	Sử dụng và phát triển rừng	-	Sử dụng và phát triển rừng				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
-	Phòng Tổ chức, tuyên truyền và xây dựng lực lượng	-	Phòng Tổ chức, tuyên truyền và xây dựng lực lượng				
-	17 Hạt Kiểm lâm trực thuộc	-	17 Hạt Kiểm lâm trực thuộc				
-	02 Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR	-	02 Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR				
(9)	Chi cục Thủy sản	(9)	Chi cục Thủy sản				
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	-	Phòng Hành chính, tổng hợp				
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	-	Phòng Thanh tra, pháp chế				
-	Phòng Nuôi trồng thủy sản	-	Phòng Nuôi trồng thủy sản				
-	Phòng Quản lý khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản	-	Phòng Quản lý khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản				
-	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	-	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá				
-	Trạm Thủy sản Lạch Bạng	-	Trạm Thủy sản Lạch Bạng				
-	Trạm Thủy sản Lạch Hới	-	Trạm Thủy sản Lạch Hới				
-	Trạm Thủy sản Hòa Lộc	-	Trạm Thủy sản Hòa Lộc				
(10)	Chi cục thủy lợi	(10)	Chi cục thủy lợi				
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	-	Phòng Hành chính, tổng hợp				
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	-	Phòng Thanh tra, pháp chế				
-	Phòng Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	-	Phòng Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn				
-	Phòng Quản lý đê điều;	-	Phòng Quản lý đê điều;				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
-	Phòng Phòng, chống thiên tai	-	Phòng Phòng, chống thiên tai				
-	09 Hạt Quản lý đê	-	09 Hạt Quản lý đê				
-	01 Trạm đo nước dâng (do bão) Sầm Sơn	-	01 Trạm đo nước dâng (do bão) Sầm Sơn				
(11)	Chi cục Phát triển nông thôn	(11)	Chi cục Phát triển nông thôn				
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	-	Phòng Hành chính, tổng hợp				
-	Phòng Kinh tế hợp tác và trang trại	-	Phòng Kinh tế hợp tác và trang trại				
-	Phòng Phát triển nông thôn và Bố trí dân cư	-	Phòng Phát triển nông thôn và Bố trí dân cư				
-	Phòng Cơ điện và ngành nghề nông thôn	-	Phòng Cơ điện và ngành nghề nông thôn				
(12)	Chi cục quản lý chất lượng NLS và TS	(12)	Chi cục quản lý chất lượng NLS và TS				
-	Phòng Hành chính, tổng hợp	-	Phòng Hành chính, tổng hợp				
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	-	Phòng Thanh tra, pháp chế				
-	Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối	-	Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối				
-	Phòng Chế biến và thương mại nông sản	-	Phòng Chế biến và thương mại nông sản				
(13)	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới	(13)	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới				
-	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	-	Phòng Kế hoạch Tổng hợp				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
-	Phòng Thanh tra, pháp chế	-	Phòng Thanh tra, pháp chế				
-	Phòng Nghiệp vụ	-	Phòng Nghiệp vụ				
	Phòng Truyền thông		Phòng Truyền thông				
VI	Sở Công thương	VI	Sở Công thương	-1	0	-2	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Thanh tra Sở				
(3)	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu	(3)	Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp				
(4)	Phòng Quản lý thương mại	(4)	Phòng Quản lý năng lượng				
(5)	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	(5)	Phòng Quản lý công nghiệp				
(6)	Phòng Mỏ và Đầu tư	(6)	Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường				
(7)	Phòng Quản lý điện năng	(7)	Phòng Quản lý thương mại				
(8)	Phòng Kỹ thuật và an toàn công nghiệp	(8)	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu				
(9)	Phòng Quản lý công nghiệp nông thôn						
VII	Sở Xây dựng	VII	Sở Xây dựng	0	0	-11	0
(1)	Văn phòng	(1)	Văn phòng				
(2)	Thanh tra	(2)	Thanh tra				
(3)	Phòng Quản lý Quy hoạch - kiến trúc	(3)	Phòng Quản lý Quy hoạch - kiến trúc				
(4)	Phòng Phát triển đô thị	(4)	Phòng Phát triển đô thị				
(5)	Phòng quản lý Hạ tầng kỹ thuật	(5)	Phòng quản lý Hạ tầng kỹ thuật				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
(6)	Phòng Kinh tế	(6)	Phòng Kinh tế				
(7)	Phòng quản lý Vật liệu xây dựng	(7)	Phòng quản lý Vật liệu xây dựng				
(8)	Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản	(8)	Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản				
(9)	Phòng Quản lý hoạt động xây dựng		Phòng Quản lý hoạt động xây dựng				
(10)	Phòng Quản lý Chất lượng công trình xây dựng		Phòng Quản lý Chất lượng công trình xây dựng				
VIII	Sở Giao thông - Vận tải	VIII	Sở Giao thông - Vận tải	-1	0	-1	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh Tra Sở	(2)	Thanh Tra Sở				
(3)	Phòng Kế hoạch - Tài chính	(3)	Phòng Kế hoạch - Tài chính				
(4)	Phòng Quản lý Giao thông	(4)	Phòng Quản lý Giao thông				
(5)	Phòng Quản lý Vận tải	(5)	Phòng Quản lý Vận tải				
(6)	Phòng Thẩm định - Khoa học kỹ thuật	(6)	Phòng Thẩm định - Khoa học kỹ thuật				
(7)	Phòng Quản lý giao thông nông thôn	(7)	Phòng Quản lý Phương tiện và người lái				
(8)	Phòng Quản lý Phương tiện và người lái						
IX	Sở Giáo dục và Đào tạo	IX	Sở Giáo dục và Đào tạo	-1	0	-6	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Thanh tra Sở				
(3)	Phòng Tổ chức cán bộ	(3)	Phòng Tổ chức cán bộ				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
(4)	Phòng Kế hoạch - Tài chính	(4)	Phòng Kế hoạch - Tài chính				
(5)	Phòng Giáo dục Mầm non	(5)	Phòng Giáo dục Mầm non				
(6)	Phòng Giáo dục Tiểu học	(6)	Phòng Giáo dục Tiểu học				
(7)	Phòng Giáo dục Trung học	(7)	Phòng Giáo dục Trung học				
(8)	Phòng Quản lý đào tạo và Giáo dục thường xuyên	(8)	Phòng Quản lý đào tạo và Giáo dục thường xuyên				
(9)	Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục	(9)	Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục				
(10)	Phòng Chính tư tưởng						
X	Sở Tài chính	X	Sở Tài chính	0	0	-5	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Thanh tra Sở				
(3)	Phòng Tài chính Đầu tư	(3)	Phòng Tài chính Đầu tư				
(4)	Phòng Quản lý Ngân sách huyện, xã	(4)	Phòng Quản lý Ngân sách huyện, xã				
(5)	Phòng Quản lý Ngân sách, Tin học và Thống kê tài chính	(5)	Phòng Quản lý ngân sách và Thống kê Tài chính				
(6)	Phòng Quản lý công sản Giá cả	(6)	Phòng Quản lý công sản Giá cả				
(7)	Phòng Tài chính Doanh nghiệp và Chính sách Phát triển kinh tế	(7)	Phòng Tài chính Doanh nghiệp và Chính sách Phát triển kinh tế				
(8)	Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp.	(8)	Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp.				
XI	Sở Y tế	XI	Sở Y tế	0	-3	0	-1

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
1	Cơ quan sở	1	Cơ quan sở	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>-1</i>	<i>0</i>
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh Tra Sở	(2)	Thanh Tra Sở				
(3)	Phòng Tổ chức cán bộ	(3)	Phòng Tổ chức cán bộ				
(4)	Phòng Nghiệp vụ Y	(4)	Phòng Nghiệp vụ Y				
(5)	Phòng Nghiệp vụ Dược	(5)	Phòng Nghiệp vụ Dược				
(6)	Phòng Kế hoạch tài chính	(6)	Phòng Kế hoạch tài chính				
(7)	Phòng Quản lý hành nghề Y dược tư nhân	(7)	Phòng Quản lý hành nghề Y dược tư nhân				
2	Đơn vị trực thuộc	2	Đơn vị trực thuộc	<i>0</i>	<i>-3</i>	<i>0</i>	<i>-1</i>
(8)	Chi cục Dân số Kế hoạch hoá gia đình	(8)	Chi cục Dân số Kế hoạch hoá gia đình				
-	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch và tài vụ	-	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch và tài vụ				
-	Phòng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	-	Phòng Dân số - Truyền thông - Giáo dục - Kế hoạch hóa gia đình				
-	Phòng Truyền thông - Giáo dục						
(9)	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm	(9)	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm				
-	Phòng Hành chính - Tổng hợp	-	Phòng Hành chính-Tổng hợp- Thông tin, truyền thông và Phòng chống ngộ độc thực phẩm				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
-	Phòng Thông tin, truyền thông và phòng chống ngộ độc thực phẩm	-	Đăng ký và chứng nhận sản phẩm - Thanh tra				
-	Phòng Đăng ký và chứng nhận sản phẩm						
-	Thanh tra						
XII	Sở KH và Công nghệ	XII	Sở KH và Công nghệ	-2	-2	-5	-2
1	Cơ quan sở	1	Cơ quan sở	-2	0	-5	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Thanh tra sở				
(3)	Phòng Quản lý Khoa học	(3)	Phòng Quản lý Khoa học				
(4)	Phòng Quản lý Công nghệ	(4)	Phòng Quản lý Công nghệ				
(5)	Phòng Quản lý chuyên ngành	(5)	Phòng Quản lý cơ sở				
(6)	Phòng Quản lý Khoa học và công nghệ cơ sở	(6)	Phòng Phát triển Tiềm lực khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo				
(7)	Phòng Tài chính - Kế hoạch						
(8)	Phòng Phát triển Tiềm lực khoa học và công nghệ						
2	Đơn vị trực thuộc	2	Đơn vị trực thuộc	0	-1	0	-2
(9)	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	(9)	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng				
-	Phòng Tổ chức - Hành chính	-	Phòng Hành chính - Tổng hợp				
-	Phòng TBT - Tổng hợp	-	Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
-	Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng	-	Phòng Quản lý Đo lường				
-	Phòng Quản lý Đo lường						
XIII	Sở Kế hoạch và Đầu tư	XIII	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-1	0	-3	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Thanh tra Sở				
(3)	Phòng Kinh tế Công nghiệp và Dịch vụ	(3)	Phòng Kinh tế Công nghiệp và Dịch vụ				
(4)	Phòng Kinh tế đối ngoại	(4)	Phòng Đầu tư và Doanh nghiệp				
(5)	Phòng Kinh tế Nông nghiệp	(5)	Phòng Kinh tế Nông nghiệp				
(6)	Phòng Văn xã	(6)	Phòng Khoa giáo, Văn xã				
(7)	Phòng Quản lý Quy hoạch	(7)	Phòng Đăng ký kinh doanh				
(8)	Phòng Đăng ký kinh doanh	(8)	Phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư				
(9)	Phòng Thẩm định	(9)	Phòng Tổng hợp, quy hoạch				
(10)	Phòng Tổng hợp						
XIV	Sở Thông tin và Truyền thông	XIV	Sở Thông tin và Truyền thông	-2	0	-3	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Thanh tra Sở				
(3)	Phòng Quản lý Báo chí, Xuất bản	(3)	Phòng Quản lý Thông tin - Báo chí - Xuất bản				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
(4)	Phòng Quản lý Bru chính	(4)	Phòng Quản lý Bru chính - Viễn thông				
(5)	Phòng Quản lý Công nghệ Thông tin	(5)	Phòng Quản lý Công nghệ Thông tin				
(6)	Phòng Quản lý Viễn thông						
(7)	Phòng Kế hoạch - Tài chính						
XV	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	XV	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	0	0	0	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng Sở				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Thanh tra Sở				
(3)	Phòng Tổ chức cán bộ	(3)	Phòng Tổ chức - Pháp chế				
(4)	Phòng Kế hoạch tài chính	(4)	Phòng Kế hoạch tài chính				
(5)	Phòng Quản lý Di sản văn hoá	(5)	Phòng Quản lý Di sản văn hoá				
(6)	Phòng Nghiệp vụ văn hoá	(6)	Phòng Quản lý văn hoá				
(7)	Phòng Quản lý thể dục thể thao	(7)	Phòng Quản lý thể dục thể thao				
(8)	Phòng Quản lý Du lịch	(8)	Phòng Quản lý Du lịch				
(9)	Phòng Quy hoạch, Phát triển tài nguyên Du lịch	(9)	Phòng Quy hoạch, Phát triển tài nguyên Du lịch				
(10)	Phòng Xây dựng nếp sống văn hoá và gia đình	(10)	Phòng Xây dựng nếp sống văn hoá và gia đình				
XVI	Sở Ngoại vụ	XVI	Sở Ngoại vụ	-1	0	0	0
(1)	Văn phòng Sở	(1)	Văn phòng - Thanh tra				
(2)	Thanh tra Sở	(2)	Phòng Hợp tác Quốc tế				
(3)	Phòng Hợp tác Quốc tế	(3)	Phòng Lãnh sự - Biên giới				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
(4)	Phòng Lãnh sự - Biên giới	(4)					
XVII	Ban Dân tộc	XVII	Ban Dân tộc	0	0	0	0
(1)	Văn phòng Ban	(1)	Văn phòng Ban				
(2)	Phòng Thanh tra	(2)	Phòng Thanh tra				
(3)	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	(3)	Phòng Kế hoạch Tổng hợp				
(4)	Phòng Chính sách và Tuyên truyền	(4)	Phòng Chính sách và Tuyên truyền				
XVIII	Thanh tra tỉnh	XVII	Thanh tra tỉnh	0	0	-3	0
(1)	Văn phòng	(1)	Văn phòng				
(2)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1	(2)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1				
(3)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2	(3)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2				
(4)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3	(4)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3				
(5)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 4	(5)	Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 4				
(6)	Phòng Xử lý sau Thanh tra	(6)	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng				
(7)	Phòng Thanh tra chống tham nhũng	(7)	Phòng Giám sát và xử lý sau Thanh tra				
XIX	Văn phòng UBND tỉnh	XVII	Văn phòng UBND tỉnh	0	0	0	0
1	Cơ quan Văn phòng	1	Cơ quan Văn phòng				
(1)	Phòng Hành chính Tổ chức	(1)	Phòng Hành chính Tổ chức				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
(2)	Phòng Nông nghiệp, Khoa học công nghệ và Tài nguyên môi trường	(2)	Phòng Nông nghiệp, Khoa học công nghệ và Tài nguyên môi trường				
(3)	Phòng Công nghiệp - Xây dựng - Giao thông	(3)	Phòng Công nghiệp - Xây dựng - Giao thông				
(4)	Phòng Kinh tế - Tài chính	(4)	Phòng Kinh tế - Tài chính				
(5)	Phòng Văn hóa - Xã hội	(5)	Phòng Văn hóa - Xã hội				
(6)	Phòng Tổng hợp - Kế hoạch	(6)	Phòng Tổng hợp - Kế hoạch				
(7)	Phòng Quản trị - Tài vụ	(7)	Phòng Quản trị - Tài vụ				
(8)	Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Nội chính	(8)	Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Nội chính				
(9)	Ban Tiếp công dân	(9)	Ban Tiếp công dân				
(10)	Phòng Quản lý Cổng Thông tin điện tử và công nghệ thông tin	(10)	Phòng Quản lý Cổng Thông tin điện tử và công nghệ thông tin				
2	Đơn vị trực thuộc	2	Đơn vị trực thuộc	0	0	0	0
(11)	Văn phòng Điều phối vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh	(11)	Văn phòng Điều phối vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh				
-	Phòng Tổng hợp - Kế hoạch và Hành chính	-	Phòng Tổng hợp - Kế hoạch và Hành chính				
-	Phòng Nghiệp vụ và Truyền thông	-	Phòng Nghiệp vụ và Truyền thông				
(12)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	(12)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công				

Cơ cấu tổ chức hiện nay		Cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp, tổ chức lại		So sánh cơ cấu tổ chức trước và sau khi sắp xếp, tổ chức lại			
TT	Tên tổ chức hành chính	TT	Tên tổ chức hành chính	Tăng (+) giảm (-) phòng thuộc sở	Số phòng thuộc chi cục giảm	Cấp phó phòng, chi cục giảm	Cấp phó phòng thuộc chi cục giảm
-	Tổ Hành chính - Quản trị	-	Tổ Hành chính - Quản trị				
-	Tổ Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả	-	Tổ Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả				
-	Tổ Giám sát - Tổng hợp	-	Tổ Giám sát - Tổng hợp				

THỰC TRẠNG CÁC PHÒNG THUỘC UBND CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1	Mường Lát	42	10	8	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	7			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	5	1	1	
1.2	Thanh tra	2	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	3	1	0	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	3	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	3	0	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2	1	0	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	4	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	4	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	2	0	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	2	1	0	
1.11	Phòng Dân tộc	1	1	0	
1.12	Phòng Y tế	0	0	0	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	4	1	0	
2	Quan Sơn	51	11	12	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	7			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	4	1	2	
1.2	Thanh tra	3	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	1	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	5	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	3	1	0	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	5	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	3	0	2	
1.9	Phòng Tư pháp	2	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	2	0	1	
1.11	Phòng Dân tộc	2	1	1	
1.12	Phòng Y tế	1	1	0	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	6	1	1	
3	Quan Hóa	50	12	11	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	5	1	0	
1.2	Thanh tra	3	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	3	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	6	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	2	1	0	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	5	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	5	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	2	1	1	
1.9	Phòng Tư pháp	4	1	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	2	1	0	
1.11	Phòng Dân tộc	3	1	1	
1.12	Phòng Y tế	0	0	0	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	4	1	1	
4	Bá Thước	66	13	23	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	7	1	6	
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	11	1	2	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	5	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	4	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	7	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	6	1	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	5	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	2	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	2	1	1	
1.11	Phòng Dân tộc	1	1	0	
1.12	Phòng Y tế	1	0	1	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	6	1	2	
5	Lang Chánh	51	13	15	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	4	1	3	
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	5	1	1	
1.2	Thanh tra	3	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	1	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	4	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	5	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	4	1	1	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	4	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	3	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	2	0	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	1	
1.11	Phòng Dân tộc	2	1	1	
1.12	Phòng Y tế	1	1	0	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	5	1	1	
6	Thường Xuân	65	13	14	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	9			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	4	1	1	
1.2	Thanh tra	4	1	2	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	6	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	5	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	6	1	0	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	3	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	3	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	0	
1.11	Phòng Dân tộc	2	1	0	
1.12	Phòng Y tế	1	1	0	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	7	1	2	
7	Như Xuân	50	12	13	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	8	1	2	
1.2	Thanh tra	3	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	3	1	1	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	4	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	5	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	4	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	3	1	0	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	2	1	1	
1.9	Phòng Tư pháp	3	1	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	2	1	1	
1.11	Phòng Dân tộc	3	1	1	
1.12	Phòng Y tế	0	0	0	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	4	1	2	
8	Như Thanh	53	14	19	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	5	1	4	
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	7	1	2	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	4	1	1	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	4	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	4	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	5	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	3	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	3	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	3	1	1	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	1	
1.11	Phòng Dân tộc	3	1	1	
1.12	Phòng Y tế	1	1	0	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	3	1	1	
9	Ngọc Lặc	53	12	9	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	5			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	8	1	1	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	4	1	1	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	3	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	5	1	0	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	3	1	0	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	2	1	1	
1.9	Phòng Tư pháp	2	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	0	
1.11	Phòng Dân tộc	3	1	1	
1.12	Phòng Y tế	1	0	1	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	3	1	0	
10	Cẩm Thủy	65	12	20	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	8			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	7	1	2	
1.2	Thanh tra	4	1	2	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	2	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	5	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	5	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	6	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	4	1	3	
1.9	Phòng Tư pháp	3	1	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	3	1	1	
1.11	Phòng Dân tộc	2	1	1	
1.12	Phòng Y tế	1	0	0	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	6	1	2	
11	Thạch Thành	67	11	15	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	8			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	9	1	1	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	5	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	6	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	5	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	7	1	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	2	0	2	
1.9	Phòng Tư pháp	3	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	1	
1.11	Phòng Dân tộc	3	1	1	
1.12	Phòng Y tế	2	0	1	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.13	Phòng Kinh tế Hạ tầng	4	1	1	
12	Vĩnh Lộc	45	12	8	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	5			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	7	1	1	
1.2	Thanh tra	3	1	0	
1.3	Phòng Nội vụ	4	1	1	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	4	1	0	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	3	1	2	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	5	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	3	1	1	
1.9	Phòng Tư pháp	1	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	1	
1.11	Phòng Y tế	1	1	0	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	2	1	0	
13	Thọ Xuân	60	12	10	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	9	1	3	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	0	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	5	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	4	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	0	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	8	1	1	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	2	1	1	
1.9	Phòng Tư pháp	2	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	1	
1.11	Phòng Y tế	2	1	0	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	3	1	1	
14	Triệu Sơn	58	12	14	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	5			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	8	1	2	
1.2	Thanh tra	2	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	6	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	5	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	3	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	5	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	6	1	0	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	6	1	1	
1.9	Phòng Tư pháp	2	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	3	1	1	
1.11	Phòng Y tế	4	1	1	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	3	1	1	
15	Nông Cống	67	10	11	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	6	1	1	
1.2	Thanh tra	5	1	2	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	1	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	6	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	6	1	0	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	6	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	6	1	1	
1.9	Phòng Tư pháp	4	0	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	5	1	1	
1.11	Phòng Y tế	0	0	0	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	6	1	1	
16	Yên Định	66	11	16	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	7			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	5	1	2	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	7	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	4	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	6	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	8	1	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	3	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	5	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	5	1	2	
1.11	Phòng Y tế	0	0	0	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	6	1	2	
17	Thiệu Hóa		12	16	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6	1	5	
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	6	1	2	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	4	1	1	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	7	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	5	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	6	1	0	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	4	1	1	
1.9	Phòng Tư pháp	3	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	1	
1.11	Phòng Y tế	2	1	0	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	4	0	1	
18	Đông Sơn	54	12	16	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	7	1	2	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	5	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	4	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	5	1	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	3	1	2	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.9	Phòng Tư pháp	2	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	2	1	1	
1.11	Phòng Y tế	1	1	0	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	4	1	1	
19	Hà Trung	53	9	13	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	8	1	1	
1.2	Thanh tra	2	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	2	1	0	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	3	0	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	5	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	5	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	4	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	2	0	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	3	1	1	
1.11	Phòng Y tế	1	0	1	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	6	1	1	
20	Nga Sơn	65	11	21	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	7			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	7	1	3	
1.2	Thanh tra	4	1	2	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	6	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	4	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	10	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	7	1	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	4	1	3	
1.9	Phòng Tư pháp	2	1	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	3	1	1	
1.11	Phòng Y tế	0	0	0	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	6	1	2	
21	Hoàng Hoá	73	12	19	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	9	1	2	
1.2	Thanh tra	5	1	2	
1.3	Phòng Nội vụ	6	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	6	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	4	1	1	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	10	1	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	6	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	2	1	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	5	1	2	
1.11	Phòng Y tế	1	1	0	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	7	1	1	
22	Hậu Lộc	66	10	11	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	7			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	9	1	2	
1.2	Thanh tra	4	1	0	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	0	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	6	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	4	1	0	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	7	1	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	5	1	1	
1.9	Phòng Tư pháp	3	1	0	
1.10	Phòng Văn hóa TT	3	0	1	
1.11	Phòng Y tế	1	0	1	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	6	1	1	
23	Quảng Xương	67	10	22	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	8	1	3	
1.2	Thanh tra	5	1	2	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	5	1	2	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	7	0	1	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	7	1	3	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	6	1	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	3	0	3	
1.9	Phòng Tư pháp	3	1	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	2	
1.11	Phòng Y tế	2	1	0	
1.12	Phòng Kinh tế Hạ tầng	6	1	1	
24	Thị xã Nghi Sơn	94	12	18	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	12	1	2	
1.2	Thanh tra	8	1	2	
1.3	Phòng Nội vụ	7	1	1	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	8	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	10	1	2	
1.6	Phòng Quản lý đô thị	9	1	2	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	11	1	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	3	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	4	1	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	5	1	1	
1.11	Phòng Y tế	2	1	0	
1.12	Phòng Kinh tế	9	1	2	
25	Thị xã Bìn Sơn	58	11	16	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	7	1	2	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	4	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	4	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	6	1	1	
1.6	Phòng Quản lý đô thị	3	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	6	0	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	6	1	2	
1.9	Phòng Tư pháp	3	1	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	3	1	1	
1.11	Phòng Y tế	2	1	0	
1.12	Phòng Kinh tế	4	1	2	
26	Thành phố Sầm Sơn	58	10	14	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	6			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	5	1	1	
1.2	Thanh tra	4	1	1	
1.3	Phòng Nội vụ	5	1	1	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	5	1	1	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	6	1	1	
1.6	Phòng Quản lý đô thị	5	1	1	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	7	0	2	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	4	1	3	
1.9	Phòng Tư pháp	2	1	1	
1.10	Phòng Văn hóa TT	4	1	2	

TT	Tên tổ chức	Thực trạng			Ghi chú
		Số lượng công chức hiện có	Số lượng cấp trưởng hiện có	Số lượng cấp phó hiện có	
1.11	Phòng Y tế	0	0	0	
1.12	Phòng Kinh tế	5	1	0	
27	Thành phố Thanh Hoá	94	10	26	
	Lãnh đạo UBND và cơ quan HĐND	7			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND	9	0	3	
1.2	Thanh tra	7	1	3	
1.3	Phòng Nội vụ	10	1	2	
1.4	Phòng Lao động TB&XH	8	1	3	
1.5	Phòng Tài nguyên và MT	11	1	2	
1.6	Phòng Quản lý đô thị	7	1	3	
1.7	Phòng Tài chính Kế hoạch	9	1	1	
1.8	Phòng Giáo dục và ĐT	4	0	3	
1.9	Phòng Tư pháp	5	1	2	
1.10	Phòng Văn hóa TT	5	1	2	
1.11	Phòng Y tế	2	1	1	
1.12	Phòng Kinh tế	10	1	1	